

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày 20/8/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đinh Ngọc Hùng.

2/ Ông Đinh Xuân Dậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 362/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là Số 240, tổ 11, ấp 12B, xã T, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980.

2/ Ông Trương Phú Đ, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ liên hệ: khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là ấp 3, xã T, tỉnh Đồng Nai).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 11 năm 2024).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là Ấp 6, xã T, tỉnh Đồng Nai).

- Người làm chứng:

1/ Bà Trần Nguyên Th, sinh năm 1992.

2/ Ông Trần Trung Ng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Nay là Ấp 6, xã T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông Huỳnh có mặt; bà Đ, bà Thảo, ông Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn do ông Huỳnh đại diện trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết, do bà Đ khó khăn nên có vay tiền bà với thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay, mức lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng. Bà L cho bà Đ vay tổng cộng 02 lần: Lần 1: vào ngày 01/3/2013 vay số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Lần 2: vào ngày 01/10/2016 vay số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, tổng số tiền bà Đ có vay của bà L là 112.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi cho vay đến nay mặc dù bà L đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn có trách nhiệm thanh toán ngay vay, tuy nhiên bà Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương, đến tháng 10/2024 bà mới biết bà Đ về nhà tại xã Sông Trầu nên có liên hệ để yêu cầu trả nợ nhưng bà Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay cho bà.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền nợ gốc và lãi cụ thể như sau:

Lần 1: Tiền gốc 100.000.000 đồng + lãi suất vay từ ngày 01/3/2013 tính đến ngày Tòa án xét xử (Tính đến ngày 01/8/2025 x 1%/tháng = 149.000.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là: 249.000.000 đồng.

Lần 2: Tiền gốc 12.000.000 đồng + lãi suất vay từ ngày 01/10/2016 tính đến ngày Tòa án xét xử (Tính đến ngày 01/8/2025 x 1%/tháng = 12.720.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là: 24.720.000 đồng

Nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Về án phí: Yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định.

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Đ trình bày:**

Bà thừa nhận ngày 31/3/2013 có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng; đến ngày 01/10/2016, bà có vay thêm của bà Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa có khả năng trả cho bà L được. Bà nhớ trước đây vào khoảng năm 2014, bà Nguyễn Thị Hải là chị gái thấy bà khổ quá nên có gọi con bà là Trần Nguyên Th và Trần Trung Ng đến cho tiền để trả cho bà L số tiền trên, khi trả có làm giấy trả nợ nhưng hiện nay đã làm thất lạc. Nay bà và các con là Trần Nguyên Th và Trần Trung

Ng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả được cho bà L số tiền đã vay.

Nay bà L yêu cầu tôi trả số tiền 112.000.000 đồng tiền gốc thì bà cũng đồng ý trả, nhưng xin được trả dần. Còn đối với số tiền lãi bà L yêu cầu trả, thì cho bà xin không trả, vì hiện tại bà đang rất khó khăn, chỉ có thể trả được tiền gốc. Số tiền bà vay bà L ông Trần Văn Tỷ không hề biết gì, mặc dù khi đó bà và ông Tỷ vẫn còn là vợ chồng, nhưng bà không nói gì việc vay tiền của bà L. Bà vay để chơi hụi, sau đó người ta giựt nợ của bà, khi mọi người đòi nợ ông Tỷ cũng không biết gì, thời điểm đó vợ chồng bà cũng đã lục đục và đã sống ly thân, nên số tiền bà vay của cô Lụa không liên quan gì đến ông Trần Văn Tỷ cả.

3. Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

*** Về việc giải quyết vụ án dân sự:**

Nguyên đơn bà L và bị đơn bà Đ đều thống nhất trình bày: Vào ngày 31/3/2013 bà Đ có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng và ngày 01/10/2016 có vay thêm của bà L số tiền 12.000.000 đồng, khi vay tiền bà Đ có viết giấy vay, trên giấy vay không thể hiện thỏa thuận về lãi suất cho vay và thời hạn vay. Tuy nhiên, hai bên đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận 02%/01 tháng nên được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn. Do vậy, đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đ xác nhận chưa trả cho bà L tiền nợ gốc và tiền lãi tháng nào. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ gốc 112.000.00 đồng và tiền lãi suất với mức lãi là 1%/tháng kể từ ngày 01/3/2013 (vay lần 1), 01/10/2016 (vay lần 2) đến ngày 23/10/2024 là có căn cứ.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Đ phải trả cho bà L tổng số tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét,

thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L có cho bà Nguyễn Thị Đ vay tổng số tiền là 112.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 31/3/2013 bà Đ có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng; đến ngày 01/10/2016, bà Đ có vay thêm của bà L số tiền 12.000.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị Đ vi phạm thỏa thuận trả tiền nên bà L khởi kiện, do vậy quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ hiện đang cư trú tại Ấp 6, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thể hiện: Bà Nguyễn Thị Đ có vay tiền của bà L tổng số tiền là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng). Cụ thể: ngày 31/3/2013, bà Đ có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng; đến ngày 01/10/2016 có vay thêm của bà Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 02%/tháng, khi vay tiền thì các bên có làm giấy vay tiền. Sau khi vay thì bà Nguyễn Thị Đ không trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên nên nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho bà số tiền:

Lần 1: Tiền gốc 100.000.000 đồng + lãi suất vay từ ngày 01/3/2013 tính đến ngày ngày 01/8/2025 là 149 tháng x 1%/tháng = 149.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 249.000.000 đồng.

Lần 2: Tiền gốc 12.000.000 đồng + lãi suất vay từ ngày 01/10/2016 tính đến ngày 01/8/2025 là 106 tháng x 1%/tháng = 12.720.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 24.720.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi của hai lần vay là: 273.720.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị L, số tiền gốc vay là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng) được vay thành 02 lần. Lần 01 vào ngày 31/3/2013 vay số tiền 100.000.000 đồng; đến ngày 01/10/2016 vay thêm của bà Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay tiền, lãi thỏa thuận ngoài là 02%/tháng. Tuy nhiên, do khó khăn nên bà chưa trả được cho bà L. Ngoài ra, bà trình bày vào khoảng năm 2014, chị gái bà là bà Nguyễn Thị Hải thấy bà khổ quá nên có gọi các con của bà là Trần Nguyên Th và Trần Trung Ng đến để cho tiền để trả cho bà L số tiền vay, khi trả tiền có làm giấy trả tiền nhưng hiện nay đã làm thất lạc. Nay bà và các con là Trần Nguyên Th và Trần

Trung Ng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả được cho bà L số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Bà L cũng không thừa nhận việc bà Trần Nguyên Th và ông Trần Trung Ng đã trả tiền thay cho bà nên bà L khởi kiện thì bà xin được trả tiền gốc, còn tiền lãi thì bà xin không trả do đang khó khăn.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy việc vay nợ của các bên là có thật, bị đơn xin không trả lãi nhưng các bên có thỏa thuận về việc tính lãi, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi là 1%/tháng là thấp hơn mức thỏa thuận của các đương sự. Do bà Nguyễn Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền:

Lần 1: Tiền gốc 100.000.000 đồng + lãi suất vay từ ngày 01/3/2013 tính đến ngày ngày 01/8/2025 là 149 tháng x 1%/tháng = 149.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 249.000.000 đồng.

Lần 2: Tiền gốc 12.000.000 đồng + lãi suất vay từ ngày 01/10/2016 tính đến ngày 01/8/2025 là 106 tháng x 1%/tháng = 12.720.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 24.720.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi của hai lần vay là: 273.720.000 đồng.

[3.2] Xét lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Đ cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền là 100.000.000 đồng thông qua các con bà là Trần Nguyên Th và Trần Trung Ng. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận lời khai của bị đơn. Phía bị đơn và bà Trần Nguyên Th và ông Trần Trung Ng không có tài liệu chứng minh cho lời khai của mình. Từ đó xét thấy việc bị đơn khai đã trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ.

[3.3] Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà Đ nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.686.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền gốc và lãi là 273.720.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Đ chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.686.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền bà Nguyễn Thị L số tiền 6.639.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000106 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Nai).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai.
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuyền